

Bản án số: 62/2021/ DS-ST

Ngày: 18 - 5 - 2021

V/v tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **HUỲNH VĂN DŨNG**

2. Ông **NGUYỄN PHƯỚC TƯỜNG**

- Thư ký phiên tòa: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:

Không có tham gia.

Trong ngày 18 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2021/TLST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2021/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **LÊ THỊ C1**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: ấp M, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông **LÊ THANH T**, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp M, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Bà C1 có mặt, ông T xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Lê Thị C1 tại đơn khởi kiện, biên bản hòa giải trình bày: Bà làm nghề kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật tại ấp M, xã D. Ông T là hàng xóm với bà. Do cần tiền làm ăn nên bà cho ông T vay tiền và bán thiếu phân bón cụ thể như sau:

+ Tiền vay: Ngày 17/9/2016 cho anh T vay 20.000.000đồng. Ngày 27/9/2016 cho vay tiếp 10.000.000đồng. Ngày 13/8/2020 cho vay tiếp 7.000.000đồng.

Tổng cộng là 37.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng, thời hạn vay không xác định. Việc thỏa thuận lãi suất là thỏa thuận miệng, từ ngày vay đến nay anh T chưa trả vốn, lãi cho bà.

+ Tiền nợ mua bán phân bón: Ngày 12/8/2020 nợ 2.710.000đồng. Ngày 13/8/2020

nợ 1.145.000đồng. Ngày 08/10/2020 nợ 6.201.000đồng. Ngày 14/10/2020 nợ 1.413.500đồng.

Tổng cộng là 11.469.500đồng.

Bà C1 yêu cầu ông T trả 37.000.000đồng tiền vay và 11.469.500đồng tiền nợ phân bón. Bà yêu cầu tính lãi theo qui định đối với số tiền 20.000.000đồng từ ngày 17/9/2016, số tiền 10.000.000đồng từ ngày 27/9/2016, số tiền 7.000.000đồng từ ngày 13/8/2020 và số tiền 11.469.500 đồng từ ngày 14/10/2020.

Tại phiên tòa, bà C1 yêu cầu anh T trả cho bà 32.000.000đồng tiền vay, 11.469.500đồng tiền nợ phân bón. Tiền lãi 1.530.500đồng. Tổng cộng là 45.000.000đồng làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn ông Lê Thanh T tại bản tự khai, biên bản hòa giải, phiên tòa trình bày:
Ông thừa nhận có nợ bà C1 37.000.000đồng tiền vay và 11.469.500đồng tiền mua bán phân như bà C1 khởi kiện. Các biên nhận nợ tiền bà C1 cung cấp là do ông viết. Khi vay ông và bà C1 thỏa thuận tiền lãi là 50.000đồng/ tháng/ 1.000.000 đồng. Trước đây khi hòa giải ở ấp ông có hứa mỗi tháng trả 5.000.000đồng nhưng chỉ thực hiện được 01 tháng. Nay ông xin trả dần mỗi tháng 4.000.000đồng đến khi xong nợ và xin miễn trả lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền vay và mua bán tài sản còn thiếu. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng dân sự vay và mua bán tài sản theo qui định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện C theo qui định tại điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Lê Thanh T có đơn xin vắng mặt tham gia tố tụng với lý do đi làm thuê xa không về được nên Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh.

[1.4]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bà C1 yêu cầu ông T trả cho bà 32.000.000đồng tiền vay, 11.469.500đồng tiền nợ phân bón. Tiền lãi 1.530.500đồng. Tổng cộng là 45.000.000đồng làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy đây là quyền tự định đoạt của đương sự phù hợp với điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên ghi nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với tiền vay còn nợ: Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án ông T thừa nhận các biên nhận vay tiền là do ông viết nên đây là tình tiết không phải chứng

minh theo quy định tại điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên từ ngày vay tiền đến nay đã lâu, bà C1 đã đòi nhiều lần, cũng có yêu cầu C1h quyền địa phương giải quyết, ông T cam kết trả vốn lãi nhưng chỉ trả được 5.000.000đồng cho bà C1 nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T trả cho bà số tiền còn thiếu còn lại là có cơ sở. Đối với ông T xin trả dần mỗi tháng 4.000.000đồng không được bà C1 chấp nhận nên Tòa không có cơ sở giải quyết, các bên có quyền thỏa thuận trong quá trình thi hành án. Do đó Hội đồng xét xử buộc ông T trả cho bà C1 32.000.000đồng tiền vốn vay là có cơ sở.

[2.2] Đối với số tiền nợ mua bán vật tư nông nghiệp: Bị đơn ông Lê Thanh T cũng thừa nhận còn nợ số tiền 11.469.500đồng như bà C1 khởi kiện. Đối với số tiền này ông cũng xin trả dần mỗi tháng 4.000.000đồng. Tuy nhiên việc này không được bà C1 chấp nhận nên Tòa không có cơ sở giải quyết, các bên có quyền thỏa thuận trong quá trình thi hành án. Do đó Hội đồng xét xử buộc ông T trả cho bà C1 11.469.500đồng tiền mua bán vật tư nông nghiệp còn nợ là có cơ sở.

[2.3] Đối yêu cầu tính lãi: Tại phiên tòa, bà C1 chỉ yêu cầu ông T phải trả số tiền lãi là 1.530.500đồng. Xét thấy, xác biên nhận vay tiền, mua bán không thể hiện rõ ràng lãi suất, thời hạn trả. Đối với ông T trong quá trình giải quyết xin được bỏ lãi nhưng không được bà C1 đồng ý. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà C1 chỉ yêu cầu ông T trả 1.530.500đồng. Thấy rằng số tiền lãi bà yêu cầu cũng phù hợp qui định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy số tiền vốn lãi mà ông T có nghĩa vụ trả cho bà C1 là 45.000.000đồng.

[3] Về án phí: Ông T phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của bà C1 được chấp nhận theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/ NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 430, 440, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/ NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C1.

Buộc ông Lê Thanh T phải trả cho bà Lê Thị C1 số tiền vốn vay là 32.000.000đồng, tiền nợ mua bán vật tư nông nghiệp còn nợ là 11.469.500đồng và 1.530.500đồng tiền lãi. **Tổng cộng là 45.000.000đồng.**

2. Về án phí:

2.1. Ông Lê Thanh T phải chịu 2.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn lại bà Lê Thị C1 1.212.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004986 ngày 30/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bà C1 có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông T chậm thi hành đối với khoản tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về thời hạn kháng cáo: Bà C1 có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với ông T thời gian kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

TRẦN TÚ ANH

